

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ  
CÁC CÔNG TY CON**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (“Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm Soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Trường	Thành viên
Ông Bùi Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Minh Công	Thành viên
Ông Phan Văn Kiệt	Thành viên

**Ban Kiểm Soát**

Bà Thạch Thị Phong Huyền	Trưởng ban
Ông Hồ Ngọc Huy	Thành viên
Bà Trần Thị Ngọc Dung	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Bùi Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Kiệt	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**


Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

  
Bùi Văn Tiến  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2016



Số: 535/VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến ("Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2016, từ trang 3 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Le Đình Tứ

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam



Văn Đình Khuê

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1178-2013-001-1

12500-5  
HI NHÁ  
ÔNG T  
NHIỆM  
LOIT  
ỆT N  
TP. H



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 01-DN/HN**

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.667.792.800.852</b>	<b>2.284.513.446.868</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>432.105.376.102</b>	<b>278.430.176.919</b>
1. Tiền	111		221.109.134.796	237.426.954.697
2. Các khoản tương đương tiền	112		210.996.241.306	41.003.222.222
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>177.220.000.000</b>	<b>170.880.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	177.220.000.000	170.880.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.194.938.202.390</b>	<b>1.112.943.267.407</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	838.897.806.197	835.648.955.582
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		50.526.315.602	14.006.218.147
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	173.200.000.000	119.200.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	132.314.080.591	145.068.676.337
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(980.582.659)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>722.471.394.279</b>	<b>575.085.285.312</b>
1. Hàng tồn kho	141		734.757.820.698	588.336.693.407
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.286.426.419)	(13.251.408.095)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>141.057.828.081</b>	<b>147.174.717.230</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	1.313.917.718	997.191.756
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18	139.489.484.317	143.506.755.990
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	254.426.046	2.670.769.484
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>712.344.848.744</b>	<b>627.641.974.334</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>40.606.028.787</b>	<b>40.436.649.419</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	40.606.028.787	40.436.649.419
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>351.568.973.262</b>	<b>275.245.281.103</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	350.176.175.051	274.534.021.231
- Nguyên giá	222		992.521.567.415	816.241.385.135
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(642.345.392.364)	(541.707.363.904)
2. Tài sản vô hình	227	12	1.392.798.211	711.259.872
- Nguyên giá	228		17.068.379.757	16.136.693.006
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(15.675.581.546)	(15.425.433.134)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>305.615.419.187</b>	<b>296.712.836.282</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	267.105.598.951	244.073.981.296
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	55.505.670.877	70.655.670.877
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	15	(16.995.850.641)	(18.016.815.891)
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>14.554.427.508</b>	<b>15.247.207.530</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	14.554.427.508	15.247.207.530
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>3.380.137.649.596</b>	<b>2.912.155.421.202</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON**


Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

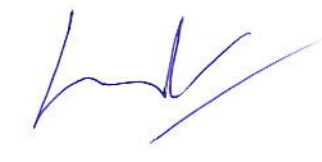
Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015


MẪU B 01-DN/HN  
ĐVT: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015		31/12/2014	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.380.594.554.096</b>		<b>2.041.871.956.265</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.210.636.397.571</b>		<b>1.857.821.704.365</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	895.833.924.102		724.979.473.792	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		119.124.353.486		116.218.877.112	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	27.848.943.528		40.519.682.081	
4. Phải trả người lao động	314		601.608.922.436		497.623.928.586	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		38.598.843.363		10.027.073.280	
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.017.020.915		3.852.018.010	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	188.003.503.845		114.146.799.394	
8. Vay ngắn hạn	320	20	129.375.598.286		192.237.124.559	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		207.225.287.610		158.216.727.551	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>169.958.156.525</b>		<b>184.050.251.900</b>	
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		-		13.416.000.000	
2. Phải trả dài hạn khác	337	19	2.493.146.400		2.823.146.400	
3. Trái phiếu chuyển đổi	339	21	140.000.000.000		140.000.000.000	
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	27.465.010.125		27.811.105.500	
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>999.543.095.500</b>		<b>870.283.464.937</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>999.543.095.500</b>		<b>870.283.464.937</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	280.000.000.000		280.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.000.000.000		280.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	24.469.859.758		24.469.859.758	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	23	1.693.895.152		1.693.895.152	
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	369.866.809.209		292.920.754.140	
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	243.858.975.073		205.689.238.440	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		205.689.238.440		141.987.745.262	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		38.169.736.633		63.701.493.178	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	25	79.653.556.308		65.509.717.447	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>3.380.137.649.596</b>		<b>2.912.155.421.202</b>	

  
Nguyễn Bích Thủy  
Người lập

  
Nguyễn Trâm Anh  
Kế toán trưởng



  
Bùi Văn Tiên  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 37 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 02-DN/HN**

**ĐVT: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.411.670.180.199	5.485.180.240.209
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		3.204.891.455	2.775.896.293
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	6.408.465.288.744	5.482.404.343.916
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		5.645.821.240.393	4.749.674.331.366
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		762.644.048.351	732.730.012.550
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	77.107.364.510	32.729.453.799
7. Chi phí tài chính	22	30	39.012.453.569	26.608.048.783
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.001.416.771	7.098.674.720
8. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	24	13	59.337.969.467	58.959.093.539
9. Chi phí bán hàng	25	28	221.379.178.388	220.756.730.433
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	237.332.849.332	200.588.805.586
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		401.364.901.039	376.464.975.086
12. Thu nhập khác	31	31	13.195.999.416	12.330.210.381
13. Chi phí khác	32	32	4.202.369.475	6.720.071.100
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		8.993.629.941	5.610.139.281
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		410.358.530.980	382.075.114.367
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	79.575.584.440	69.340.264.443
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		330.782.946.540	312.734.849.924
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		311.044.215.315	296.591.513.181
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	25	19.738.731.225	16.143.336.743
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	8.611	8.327
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	5.871	5.681



Nguyễn Bích Thủy  
Người lập



Nguyễn Trâm Anh  
Kế toán trưởng



Bùi Văn Tiên  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2016



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON**


Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam


**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU B 03-DN/HN**  
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015		2014	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	410.358.530.980		382.075.114.367	
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>					
Khấu hao tài sản cố định	02	116.929.668.958		85.875.481.115	
Các khoản dự phòng	03	(3.312.624.960)		3.242.552.094	
Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	394.613.593		(5.689.195.776)	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(85.968.187.220)		(71.584.602.805)	
Chi phí lãi vay	06	7.001.416.771		7.098.674.720	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	445.403.418.122		401.018.023.715	
Thay đổi các khoản phải thu	09	(195.760.138.149)		(352.614.988.403)	
Thay đổi hàng tồn kho	10	(146.421.127.291)		(68.953.869.481)	
Thay đổi các khoản phải trả	11	511.272.005.877		152.645.884.791	
Thay đổi chi phí trả trước	12	376.054.060		2.295.135.465	
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.270.883)		(98.674.720)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(91.172.644.116)		(78.679.929.142)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(24.554.755.918)		(54.639.719.944)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>499.141.541.702</b>		<b>971.862.281</b>	
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(215.193.207.726)		(73.130.700.582)	
2. Tiền thu do thanh lý và nhượng bán tài sản cố định	22	1.258.454.545		394.851.365	
3. Tiền chi cho vay, mua công nợ của đơn vị khác	23	(123.000.000.000)		(178.200.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay	24	69.000.000.000		138.891.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(20.000.000.000)		(21.480.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	40.164.561.640		61.680.000.211	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	51.287.199.327		34.518.121.284	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(196.482.992.214)</b>		<b>(37.326.727.722)</b>	
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	182.388.249.700		279.813.248.794	
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(245.249.775.973)		(202.642.889.141)	
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(85.960.000.000)		(87.136.000.000)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(148.821.526.273)</b>		<b>(9.965.640.347)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>153.837.023.215</b>		<b>(46.320.505.788)</b>	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>278.430.176.919</b>		<b>323.807.128.430</b>	
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(161.824.032)		943.554.277	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>432.105.376.102</b>		<b>278.430.176.919</b>	

  
Nguyễn Bích Thủy  
Người lập

  
Nguyễn Trâm Anh  
Kê toán trưởng

  
Bùi Văn Tiên  
Tổng Giám đốc  
Ngày 29 tháng 3 năm 2016



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN CHUNG**

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là “Công ty mẹ”), năm công ty con và các công ty liên kết cụ thể được trình bày như sau:

**Công ty mẹ**

Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước “Tổng Công ty May Việt Tiến”, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000342 ngày 21 tháng 3 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300401524 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 280 tỷ đồng và Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Vinatex”) là cổ đông chính của Công ty mẹ.

Hoạt động chính của Công ty mẹ là:

- Sản xuất mua bán sản phẩm dệt may các loại;
- Sản xuất, kinh doanh: nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ ngành dệt may và bao bì, thiết bị điện lạnh dân dụng và công nghiệp;
- Thiết bị điện - âm thanh - ánh sáng;
- Mua bán máy bơm gia dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ giặt, in, thêu và đào tạo cắt may công nghiệp;
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, thiết bị, kho bãi; và
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, đại lý tàu biển.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 8.766 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 7.158 người).

**Các công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu %</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH May Thuận Tiến (“Thuận Tiến”)	Tỉnh Bình Thuận	82,50	82,50	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH May Tiến Thuận (“Tiến Thuận”)	Tỉnh Ninh Thuận	82,50	82,50	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH Nam Thiên (“Nam Thiên”)	Tp. Hồ Chí Minh	83,55	83,55	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH Việt Tiến Meko (“Việt Tiến Meko”)	Tp. Cần Thơ	51,00	51,00	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng (“Việt Hồng”)	Tỉnh Bến Tre	66,78	66,78	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc và các sản phẩm liên quan.





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<b>Tên công ty liên kết</b>	<b>Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	40,00	40,00	Sản xuất, kinh doanh nút nhựa
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	Tp. Hồ Chí Minh	30,00	30,00	Sản xuất, kinh doanh Mex - Dụng
Công ty Cổ phần May Việt Tân	Tỉnh Tiền Giang	34,98	34,98	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Việt Hưng	Tp. Hồ Chí Minh	32,53	32,53	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	Tp. Hồ Chí Minh	25,24	25,24	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	Tp. Hồ Chí Minh	20,85	20,85	Sản xuất, kinh doanh nguyên phụ liệu ngành dệt may; gia công in, nhuộm vải; cho thuê kho bãi
Công ty Cổ phần May Công Tiến	Tỉnh Tiền Giang	28,38	28,38	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	Tỉnh Vĩnh Long	26,00	26,00	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	Tỉnh Đồng Nai	26,06	26,06	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	Tỉnh Tiền Giang	36,77	36,77	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	Tỉnh Đồng Nai	30,00	30,00	Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	Tỉnh Bình Dương	49,00	49,00	Sản xuất, kinh doanh nhân các loại
Công ty Cổ phần May Tây Đô	Tỉnh Cần Thơ	45,83	45,83	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	Tỉnh Ninh Thuận	34,98	34,98	Kinh doanh xăng dầu, nhà hàng, khách sạn
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	Tp. Hồ Chí Minh	45,15	45,15	Sản xuất gia công cơ khí
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến – Tung Shing	Tp. Hồ Chí Minh	25,00	25,00	Kinh doanh máy móc thiết bị, phụ tùng ngành may
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS	Tp. Hồ Chí Minh	40,00	40,00	Dịch vụ giao nhận, xuất nhập khẩu

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 41, một số số liệu của báo cáo năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

1250  
CHI NI  
CÔNG  
H NHIỆ  
ELO  
VIỆT  
TP



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

#### Các khoản đầu tư tài chính khác

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phân ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

*Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn*

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản dự phòng lỗ đầu tư tài chính do hoạt động kinh doanh thua lỗ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và công cụ vốn của đơn vị khác. Khoản dự phòng này được trích lập theo các quy định hiện hành có liên quan.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải thu về cho vay ngắn hạn và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác, và chi phí phải trả.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự và có thể không thể thanh toán các khoản nợ.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh (đối với nguyên phụ liệu) và phương pháp bình quân gia quyền đối với thành phẩm. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu của sản phẩm may mặc trên các công đoạn sản xuất. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển và khi giá trị ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc, thiết bị	4 – 10
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị quản lý	3 – 6
Tài sản cố định khác	5

**Tài sản vô hình và hao mòn**

Tài sản vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm vi tính. Tài sản vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản vô hình được ước tính từ 2,5 năm đến 20 năm.

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước thể hiện tiền thuê 22.261,9 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Bình An thuộc Ấp Bình Thắng, Xã Bình An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương được trả trước cho Công ty Đầu tư và Phát triển Bình Thắng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

Chi phí trả trước còn bao gồm chi phí thuê các cửa hàng. Chi phí thuê các cửa hàng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê theo hợp đồng.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả thể hiện các khoản trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.





## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu từ hoạt động gia công, thu nhập từ việc cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê nhà, kho. Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

#### Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ**

Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	1.116.095.857	871.906.723
Tiền gửi ngân hàng	219.993.038.939	236.555.047.974
Các khoản tương đương tiền	210.996.241.306	41.003.222.222
	<u><b>432.105.376.102</b></u>	<u><b>278.430.176.919</b></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ, có kỳ hạn không quá 1 tháng và hưởng lãi suất bình quân lần lượt là 1,73%/năm và 0%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam, có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm và hưởng lãi suất bình quân 5,12%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: USD 0,25%/năm).

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	339.737.006.710	409.316.112.925
b. Phải thu bên thứ ba		
- Mitsubishi Corporation (LXH-A)	265.391.129.241	193.670.224.880
- Các khách hàng khác	233.769.670.246	232.662.617.777
	<u><b>838.897.806.197</b></u>	<u><b>835.648.955.582</b></u>

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức (i)	92.200.000.000	95.200.000.000
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á (ii)	18.000.000.000	24.000.000.000
Công ty TNHH MTV Việt Khánh (iii)	63.000.000.000	-
	<u><b>173.200.000.000</b></u>	<u><b>119.200.000.000</b></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản phải thu khác bao gồm:

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- i) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức là tiền gốc cho vay theo Hợp đồng số 01, 02, 03, 04, 05 & 06/VTEC-CKTD/2014 cùng với các phụ lục gia hạn tương ứng và Hợp đồng 01/VTEC-CKTD/2015. Các khoản cho vay có thời hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân với lãi suất 8,5%/năm.
- ii) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á là tiền gốc cho vay theo Hợp đồng số 04 & 05/VTEC-VTDA/2014 cùng với các phụ lục gia hạn tương ứng. Các khoản cho vay có thời hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân với lãi suất 6%/năm.
- iii) Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Việt Khánh là tiền gốc cho vay theo Hợp đồng số 01 & 02/2015-VTEC-VK/2015. Các khoản cho vay có thời hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân với lãi suất 0%/năm.

**9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing (i)	121.265.022.472	136.327.005.307
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS (i)	515.593.660	479.620.120
Phải thu tiền lãi cho vay (Thuyết minh số 38)	4.717.388.889	3.650.938.888
Phải thu người lao động	72.181.049	1.193.865.903
Các khoản phải thu khác	5.743.894.521	3.417.246.119
	<u><b>132.314.080.591</b></u>	<u><b>145.068.676.337</b></u>
<b>b. Dài hạn</b>		
Ký quỹ, ký cược dài hạn	40.606.028.787	40.436.649.419
	<u><b>40.606.028.787</b></u>	<u><b>40.436.649.419</b></u>

- i) Khoản chi hộ cho Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến – Tung Shing và Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS.

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	73.848.421.743	-	71.508.983.864	-
Nguyên liệu, vật liệu	131.428.341.357	-	116.348.596.685	-
Công cụ, dụng cụ	306.531.432	-	374.174.609	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	188.230.967.897	-	124.192.278.941	-
Thành phẩm	313.302.282.337	(12.286.426.419)	263.217.739.190	(13.251.408.095)
Hàng hóa	24.169.919.712	-	10.309.886.513	-
Hàng gửi bán	3.471.356.220	-	2.385.033.605	-
	<u><b>734.757.820.698</b></u>	<u><b>(12.286.426.419)</b></u>	<u><b>588.336.693.407</b></u>	<u><b>(13.251.408.095)</b></u>

Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 964.981.676 đồng (năm 2014: trích lập bổ sung 3.404.603.916 đồng).

0-002-C  
**ÁNH**  
**TY**  
**HỮU H**  
**TTE**  
**AM**  
**Ồ CHÍ N**



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	281.066.710.524	496.188.042.015	25.986.379.271	12.551.865.963	448.387.362	816.241.385.135
Tăng trong năm	23.531.180.852	152.638.205.224	11.690.208.617	4.467.444.133	-	192.327.038.826
Thanh lý	-	(16.032.656.546)	-	-	(14.200.000)	(16.046.856.546)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>304.597.891.376</b>	<b>632.793.590.693</b>	<b>37.676.587.888</b>	<b>17.019.310.096</b>	<b>434.187.362</b>	<b>992.521.567.415</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2015	140.194.362.619	375.355.659.886	17.002.312.154	8.807.826.714	347.202.531	541.707.363.904
Khấu hao trong năm	21.157.662.557	88.982.103.485	3.419.939.129	3.051.465.718	68.349.657	116.679.520.546
Thanh lý	-	(16.027.292.086)	-	-	(14.200.000)	(16.041.492.086)
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>161.352.025.176</b>	<b>448.310.471.285</b>	<b>20.422.251.283</b>	<b>11.859.292.432</b>	<b>401.352.188</b>	<b>642.345.392.364</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>143.245.866.200</b>	<b>184.483.119.408</b>	<b>17.254.336.605</b>	<b>5.160.017.664</b>	<b>32.835.174</b>	<b>350.176.175.051</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>140.872.347.905</b>	<b>120.832.382.129</b>	<b>8.984.067.117</b>	<b>3.744.039.249</b>	<b>101.184.831</b>	<b>274.534.021.231</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản cố định với nguyên giá là 398.553.255.233 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 329.147.422.428 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

**12. TÀI SẢN VÔ HÌNH**

	Phần mềm vi tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.946.987.925	14.189.705.081	16.136.693.006
Tăng trong năm	931.686.751	-	931.686.751
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>2.878.674.676</b>	<b>14.189.705.081</b>	<b>17.068.379.757</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2015	1.905.987.925	13.519.445.209	15.425.433.134
Khấu hao trong năm	138.582.228	111.566.184	250.148.412
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>2.044.570.153</b>	<b>13.631.011.393</b>	<b>15.675.581.546</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>834.104.523</b>	<b>558.693.688</b>	<b>1.392.798.211</b>
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>41.000.000</b>	<b>670.259.872</b>	<b>711.259.872</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản vô hình của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản với nguyên giá là 14.309.692.625 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 13.755.352.625 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Giá gốc khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	124.776.224.954	125.147.036.594
Phần lợi ích của Công ty mẹ trong lợi nhuận của công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư trừ đi cổ tức đã nhận	142.329.373.997	118.926.944.702
	<b><u>267.105.598.951</u></b>	<b><u>244.073.981.296</u></b>

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty mẹ được trình bày như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tổng tài sản	2.917.140.082.423	2.580.877.811.281
Tổng nợ phải trả	2.035.752.924.919	1.788.728.644.770
Tài sản thuần	<u>881.387.157.504</u>	<u>792.149.166.511</u>
Phần lợi ích của Công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty liên kết, liên doanh	<b><u>267.105.598.951</u></b>	<b><u>244.073.981.296</u></b>

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận thuần	256.331.626.869	226.646.518.279
Phần lợi ích của Công ty mẹ trong lợi nhuận thuần của công ty liên kết, liên doanh	<b><u>59.337.969.467</u></b>	<b><u>58.959.093.539</u></b>

**14. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	22.146.820.000	22.146.820.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex	-	15.150.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Á	15.061.750.000	15.061.750.000
Công ty Cổ phần Dệt may Liên Phương	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	5.764.800.000	5.764.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Tổng hợp Ninh Thuận	252.300.877	252.300.877
Công ty Cổ phần Chỉ may Phong Việt	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần VDA Đà Nẵng	<u>280.000.000</u>	<u>280.000.000</u>
	<b><u>55.505.670.877</u></b>	<b><u>70.655.670.877</u></b>

**15. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.710.677.441	10.203.441.441
Ngân Hàng TMCP Đông Á	<u>11.285.173.200</u>	<u>7.813.374.450</u>
	<b><u>16.995.850.641</u></b>	<b><u>18.016.815.891</u></b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Thay đổi trong khoản dự phòng cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu năm	18.016.815.891	18.168.888.213
Trích lập trong năm	3.471.798.750	3.066.146.475
Hoàn nhập trong năm	(4.492.764.000)	(3.218.218.797)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>16.995.850.641</u></b>	<b><u>18.016.815.891</u></b>

**16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí thuê mặt bằng	872.551.687	86.000.000
Khác	441.366.031	911.191.756
	<b><u>1.313.917.718</u></b>	<b><u>997.191.756</u></b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí thuê đất	13.101.356.732	13.497.511.988
Chi phí thuê mặt bằng	-	41.500.000
Khác	1.453.070.776	1.708.195.542
	<b><u>14.554.427.508</u></b>	<b><u>15.247.207.530</u></b>

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	433.657.862.495	205.596.496.829
b. Phải trả bên thứ ba		
- Mitsubishi Corporation (LXH-A)	101.900.040.202	176.295.323.046
- Phải trả cho các đối tượng khác	360.276.021.405	343.087.653.917
	<b><u>895.833.924.102</u></b>	<b><u>724.979.473.792</u></b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015	Số phát sinh tăng trong năm	Số đã thực nộp/ hoàn trong năm	Số đã khấu trừ/ nộp thừa trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a. Các khoản phải thu</b>					
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	143.506.755.990	264.343.033.424	154.614.251.047	113.746.054.050	139.489.484.317
Thuế xuất nhập khẩu	2.666.336.582	2.509.149.525	4.972.923.815	-	202.562.292
Thuế thu nhập cá nhân	4.432.902	40.628.392	-	-	45.061.294
Thuế khác	-	5.000.000	-	(1.802.460)	6.802.460
	<b>146.177.525.474</b>	<b>266.897.811.341</b>	<b>159.587.174.862</b>	<b>113.744.251.590</b>	<b>139.743.910.363</b>
<b>b. Các khoản phải trả</b>					
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	7.761.476.015	212.717.616.118	100.851.398.108	113.746.054.050	5.881.639.975
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.301.309.759	79.575.584.440	91.172.644.116	-	11.704.250.083
Thuế thu nhập cá nhân	3.070.943.607	14.654.844.775	15.485.805.179	(40.628.392)	2.280.611.595
Các loại thuế khác	6.385.952.700	4.034.784.259	2.443.295.084	(5.000.000)	7.982.441.875
	<b>40.519.682.081</b>	<b>310.982.829.592</b>	<b>209.953.142.487</b>	<b>113.700.425.658</b>	<b>27.848.943.528</b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải trả khác quyền sử dụng đất tại Hóc Môn (i)	11.958.381.600	11.958.381.600
Phải trả khác	5.485.236.376	6.293.591.147
Phải trả tiền hỗ trợ đại lý	17.518.414.943	5.647.959.594
Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 38)	20.983.545.269	-
Phải trả kinh phí công đoàn	5.871.617.318	6.235.809.572
Cổ tức phải trả (ii)	126.000.000.000	84.000.000.000
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	186.308.339	11.057.481
	<b>188.003.503.845</b>	<b>114.146.799.394</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Các khoản đặt cọc dài hạn	2.493.146.400	2.823.146.400
	<b>2.493.146.400</b>	<b>2.823.146.400</b>

- i) Đây là khoản phải trả cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với quyền sử dụng lô đất tại Ấp Mỹ Hòa 4, Xã Xuân Thới Đông, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh được ghi nhận căn cứ vào chứng thư thẩm định giá của Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đề ngày 18 tháng 5 năm 2010.
- ii) Cổ tức phải trả bao gồm cổ tức tạm tính 30% trên mệnh giá cổ phần của năm tài chính 2015 (2014: 30%) phải trả cho các cổ đông hiện hữu.

0-00  
HÀNH  
G TY  
NHƯ  
IT  
NAN  
HỒ



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị VND	Số cổ khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số cổ khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại	130.352.364.127	130.352.364.127	182.388.249.700	245.249.775.973	67.869.469.840	67.869.469.840
Vay ngắn hạn khác	61.884.760.432	61.884.760.432	-	378.631.986	61.506.128.446	61.506.128.446
<b>Tổng</b>	<b>192.237.124.559</b>	<b>192.237.124.559</b>	<b>182.388.249.700</b>	<b>245.628.407.959</b>	<b>129.375.598.286</b>	<b>129.375.598.286</b>

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại nhằm mục đích thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong nước và thanh toán tiền hàng nhập khẩu. Các khoản vay này được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ với tổng hạn mức lần lượt là 300.000.000.000 đồng và 8.000.000 đô la Mỹ. Các khoản vay này không có bảo đảm và thời hạn vay là 6 tháng cho từng lần rút vốn. Lãi suất vay và thời hạn trả nợ gốc vay được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Các khoản vay ngắn hạn khác bao gồm vay Hội cựu chiến binh Tổng Công ty, Kinh phí công đoàn, Quỹ "Vì người nghèo", Quỹ Xã hội Từ thiện, huy động từ cán bộ công nhân viên Tổng Công ty. Các khoản vay này đáo hạn trong vòng 1 năm, không có bảo đảm và không chịu lãi suất.

**21. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

Trái phiếu chuyển đổi thể hiện giá trị 1.400.000 trái phiếu chuyển đổi bắt buộc sau 3 năm với mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Tổng Công ty đã được chấp thuận cho việc đăng ký phát hành trái phiếu này ra công chúng theo Giấy chứng nhận số 055/GCN-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước vào ngày 12 tháng 12 năm 2012. Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày đáo hạn là 1:10. Trái phiếu được hưởng lãi suất cố định 5%/năm và nhận lãi tại ngày đáo hạn vào ngày 01 tháng 02 năm 2016.

Thông tư 200 hướng dẫn ghi nhận tách biệt giá trị của thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của trái phiếu chuyển đổi bắt buộc khi trình bày trên báo cáo tài chính. Theo đó, giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất chiết khấu. Giá trị phần vốn chủ sở hữu của trái phiếu chuyển đổi được xác định là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị phần nợ phải trả của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành. Việc kế toán trái phiếu chuyển đổi như trên được thực hiện từ năm 2015 trở đi, đối với trái phiếu chuyển đổi đã phát hành từ những năm trước không phải hồi tố để tính toán lại số dư và các ảnh hưởng đến Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện số dư khoản dự phòng phải trả trợ cấp thôi việc chính sách kế toán của Tổng Công ty.





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MÂY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2014</b>	<b>280.000.000.000</b>	<b>24.469.859.758</b>	<b>1.693.895.152</b>	<b>188.480.079.743</b>	<b>32.986.315.969</b>	<b>141.987.745.262</b>	<b>609.617.895.884</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	296.591.513.181	296.591.513.181
Phân phối các quỹ	-	-	-	71.241.699.195	862.251.031	(135.539.611.801)	(63.435.661.575)
Trích thêm cổ tức 5% vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2013	-	-	-	-	-	(14.000.000.000)	(14.000.000.000)
Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2014	-	-	-	-	-	(84.000.000.000)	(84.000.000.000)
Khác	-	-	-	-	(649.591.798)	649.591.798	-
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>280.000.000.000</b>	<b>24.469.859.758</b>	<b>1.693.895.152</b>	<b>259.721.778.938</b>	<b>33.198.975.202</b>	<b>205.689.238.440</b>	<b>804.773.747.490</b>
Phân loại lại theo Thông tư 200	-	-	-	33.198.975.202	(33.198.975.202)	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2014 (sau khi phân loại lại)</b>	<b>280.000.000.000</b>	<b>24.469.859.758</b>	<b>1.693.895.152</b>	<b>292.920.754.140</b>	<b>-</b>	<b>205.689.238.440</b>	<b>804.773.747.490</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	311.044.215.315	311.044.215.315
Phân phối các quỹ	-	-	-	76.946.055.069	-	(146.874.478.682)	(69.928.423.613)
Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế của năm 2015	-	-	-	-	-	(126.000.000.000)	(126.000.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>280.000.000.000</b>	<b>24.469.859.758</b>	<b>1.693.895.152</b>	<b>369.866.809.209</b>	<b>-</b>	<b>243.858.975.073</b>	<b>919.889.539.192</b>

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã đề xuất mức chia cổ tức cho năm 2015 là 30% (năm 2014: 30%) trên vốn điều lệ của Tổng Công ty tương đương 126.000.000.000 đồng (năm 2014: 84.000.000.000 đồng). Trong năm 2015, số cổ tức trên chưa được thanh toán cho các chủ sở hữu (năm 2014: 84.000.000.000 đồng). Đồng thời, Công ty mẹ đã tạm trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng theo hiệu quả kinh doanh lần lượt với tỷ lệ 30%, 20% và 5% trên lợi nhuận sau thuế của năm 2015 phù hợp với điều lệ của Tổng Công ty. Theo quy định của Thông tư 200, Tổng Công ty không trích lập quỹ dự phòng tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và số dư quỹ dự phòng tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 được chuyển vào quỹ đầu tư phát triển. Số liệu cuối cùng đối với việc trích lập các quỹ sẽ được cổ đông xác định và phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2015  
CH  
C  
CH  
DE  
VI

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Số lượng cổ phần, tỉ lệ nắm giữ và vốn góp của các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2015 và 31/12/2014		
	Cổ phần	%	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	13.405.920	47,88	134.059.200.000
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	3.965.000	14,16	39.650.000.000
Tungshing Sewing Machine Co., Ltd. (Hong Kong)	2.783.000	9,94	27.830.000.000
Khác	7.846.080	28,02	78.460.800.000
	<b>28.000.000</b>	<b>100</b>	<b>280.000.000.000</b>

**Cổ phần**

	31/12/2015	31/12/2014
Được phép phát hành:		
Số lượng - cổ phần	28.000.000	28.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>280.000.000.000</u>	<u>280.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng - cổ phần	28.000.000	28.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>280.000.000.000</u>	<u>280.000.000.000</u>

Công ty mẹ chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty mẹ.

**24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:**

	31/12/2015	31/12/2014
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công ("VND")	<u>357.821.192.075</u>	<u>316.109.640.342</u>

**Ngoại tệ các loại:**

	31/12/2015	31/12/2014
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ ("USD")	<u>8.091.327</u>	<u>5.897.218</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	Thuận Tiến VND	Tiến Thuận VND	Nam Thiên VND	Việt Tiến Meko VND	Việt Hồng VND
<b>Vốn điều lệ của công ty con</b>	20.000.000.000	20.000.000.000	8.139.000.000	39.854.905.240	10.000.000.000
<i>Trong đó:</i>					
Vốn góp của Công ty mẹ	16.500.000.000	16.500.000.000	6.800.000.000	21.145.165.240	2.500.000.000
Vốn góp của Nam Thiên	-	-	-	-	5.000.000.000
Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	3.500.000.000	3.500.000.000	1.339.000.000	18.709.740.000	2.500.000.000
<b>Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>17,50%</b>	<b>17,50%</b>	<b>16,45%</b>	<b>49,00%</b>	<b>33,22%</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	17,50%	17,50%	16,45%	49,00%	25,00%
Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	8,22%

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Thuận Tiến VND	Tiến Thuận VND	Nam Thiên VND	Việt Tiến Meko VND	Việt Hồng VND	Tổng VND
Tổng tài sản	117.322.829.656	74.507.284.592	67.936.384.951	66.606.143.457	207.836.122.753	534.208.765.409
Tổng nợ phải trả	50.011.937.738	38.278.739.646	38.263.491.078	21.547.776.197	98.819.286.737	246.921.231.396
<b>Tài sản thuần</b>	<b>67.310.891.918</b>	<b>36.228.544.946</b>	<b>29.672.893.873</b>	<b>45.058.367.260</b>	<b>109.016.836.016</b>	<b>287.287.534.013</b>
<i>Trong đó:</i>						
Vốn điều lệ	20.000.000.000	20.000.000.000	8.139.000.000	39.854.905.240	10.000.000.000	97.993.905.240
Quỹ đầu tư phát triển	15.176.654.047	8.451.800.287	2.527.065.450	603.071.711	14.980.214.783	41.738.806.278
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32.134.237.871	7.776.744.659	19.006.828.423	4.600.390.309	84.036.621.233	147.554.822.495
<b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>11.779.406.085</b>	<b>6.339.995.365</b>	<b>4.881.325.543</b>	<b>21.259.436.389</b>	<b>35.393.392.926</b>	<b>79.653.556.308</b>
<i>Trong đó:</i>						
Vốn điều lệ	3.500.000.000	3.500.000.000	1.339.000.000	18.709.740.000	2.500.000.000	29.548.740.000
Quỹ đầu tư phát triển	2.655.914.458	1.479.065.050	415.702.267	295.505.138	4.976.427.352	9.822.614.265
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.623.491.627	1.360.930.315	3.126.623.276	2.254.191.251	27.916.965.574	40.282.202.043



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**MẪU B 09-DN/HN**

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	Thuận Tiền VND	Tiến Thuận VND	Nam Thiên VND	Việt Tiến Meko VND	Việt Hồng VND	Tổng VND
Lợi nhuận sau thuế của công ty con	17.817.940.188	1.506.471.061	7.213.738.516	4.145.099.518	39.552.078.585	70.235.327.868
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát</b>	<b>3.118.139.533</b>	<b>263.632.436</b>	<b>1.186.659.986</b>	<b>2.031.098.764</b>	<b>13.139.200.506</b>	<b>19.738.731.225</b>
Thay đổi của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:						
	Vốn góp chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND	
Số dư tại ngày 01/01/2014	29.548.740.000	5.029.578.022	1.608.350.423	19.112.245.016	55.298.913.461	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	16.143.336.743	16.143.336.743	
Trích quỹ trong năm	-	1.344.255.574	(1.018.472)	(4.139.769.859)	(2.796.532.757)	
Chia cổ tức	-	-	-	(3.136.000.000)	(3.136.000.000)	
Khác	-	-	(323.142.249)	323.142.249	-	
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>29.548.740.000</b>	<b>6.373.833.596</b>	<b>1.284.189.702</b>	<b>28.302.954.149</b>	<b>65.509.717.447</b>	
Phần loại lại theo Thông tư 200	-	1.284.189.702	(1.284.189.702)	-	-	
<b>Tại ngày 31/12/2014 sau khi phân loại lại</b>	<b>29.548.740.000</b>	<b>7.658.023.298</b>	<b>-</b>	<b>28.302.954.149</b>	<b>65.509.717.447</b>	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	19.738.731.225	19.738.731.225	
Trích quỹ trong năm	-	2.164.590.966	-	(5.799.483.330)	(3.634.892.364)	
Chia cổ tức	-	-	-	(1.960.000.000)	(1.960.000.000)	
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>29.548.740.000</b>	<b>9.822.614.264</b>	<b>-</b>	<b>40.282.202.044</b>	<b>79.653.556.308</b>	





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***26. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu từ bán hàng	4.829.134.192.705	4.201.307.933.872
Doanh thu gia công	1.582.535.987.494	1.283.872.306.337
	<b>6.411.670.180.199</b>	<b>5.485.180.240.209</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(3.204.891.455)	(2.775.896.293)
	<b>6.408.465.288.744</b>	<b>5.482.404.343.916</b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu	3.340.575.995.682	2.787.777.762.347
Chi phí nhân công	1.598.321.023.835	1.347.121.765.845
Chi phí khấu hao	115.321.901.505	81.332.314.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài	980.362.837.685	868.169.699.872
Chi phí khác	146.929.309.795	127.936.131.603
	<b>6.181.511.068.502</b>	<b>5.212.337.674.462</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nhân công	49.752.285.640	41.783.752.048
Chi phí đi thuê	26.285.617.901	24.917.462.802
Chi phí bán hàng khác	145.341.274.847	154.055.515.583
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>221.379.178.388</b>	<b>220.756.730.433</b>
Chi phí nhân công	154.105.392.842	137.652.736.480
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	83.227.456.490	62.936.069.106
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>237.332.849.332</b>	<b>200.588.805.586</b>

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.684.738.208	11.243.390.033
Cổ tức, lợi nhuận được chia	743.275.000	988.755.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	49.695.601.302	20.497.308.166
Lãi do chuyển nhượng vốn	10.983.750.000	-
	<b>77.107.364.510</b>	<b>32.729.453.799</b>

100112  
CH  
C  
RÁCH  
DE  
VI  
NI-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2015	2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.001.416.771	7.098.674.720
Trích dự phòng đầu tư tài chính	3.471.798.750	3.066.146.475
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(4.492.764.000)	(3.218.218.797)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	30.912.002.048	17.906.446.385
Khác	2.120.000.000	1.755.000.000
	<b><u>39.012.453.569</u></b>	<b><u>26.608.048.783</u></b>

**31. THU NHẬP KHÁC**

	2015	2014
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.258.454.545	393.363.633
Thu nhập từ tài sản dùng cho thuê	10.466.954.906	8.330.366.620
Các khoản thu khác	1.470.589.965	3.606.480.128
	<b><u>13.195.999.416</u></b>	<b><u>12.330.210.381</u></b>

**32. CHI PHÍ KHÁC**

	2015	2014
	VND	VND
Khấu hao tài sản dùng cho thuê	2.421.489.270	4.463.875.797
Các khoản chi khác	1.780.880.205	2.256.195.303
	<b><u>4.202.369.475</u></b>	<b><u>6.720.071.100</u></b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2015	2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	81.972.645.714	71.026.247.892
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(2.430.061.274)	(1.705.161.199)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	33.000.000	19.177.750
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b><u>79.575.584.440</u></b>	<b><u>69.340.264.443</u></b>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 22% (năm 2014: 22%), riêng Công ty TNHH May Thuận Tiến vẫn đang trong thời gian được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất.

500  
NH  
NG  
HIỆM  
OI  
T  
TP.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	311.044.215.315	296.591.513.181
Trừ: Số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(69.928.423.613)	(63.435.661.575)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	241.115.791.702	233.155.851.606
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.000.000	28.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>8.611</b>	<b>8.327</b>

Cho mục đích trình bày số liệu so sánh với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Tổng Công ty loại trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định của Thông tư 200.

	Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu VND	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền Cổ phiếu	Lãi cơ bản trên cổ phiếu
Số báo cáo trước đây	296.591.513.181	28.000.000	10.593
Điều chỉnh ảnh hưởng của việc loại trừ Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Thông tư 200	(63.435.661.575)		
<b>Số liệu trình bày lại</b>	<b>233.155.851.606</b>	<b>28.000.000</b>	<b>8.327</b>

**35. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	311.044.215.315	296.591.513.181
Chi phí lãi vay được giảm khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần	5.460.000.000	5.460.000.000
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông</b>	<b>316.504.215.315</b>	<b>302.051.513.181</b>
- Trừ: Số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(69.928.423.613)	(63.435.661.575)
<b>Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>246.575.791.702</b>	<b>238.615.851.606</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	28.000.000	28.000.000
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm từ việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi	14.000.000	14.000.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>5.871</b>	<b>5.681</b>

**36. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	45.563.421.733	37.411.108.410

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	32.351.653.345	25.770.933.742
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	45.583.748.939	37.698.118.831
Sau năm năm	17.158.319.574	17.312.122.700
	<u><u>95.093.721.858</u></u>	<u><u>80.781.175.273</u></u>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức tại số 219 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 16.037.460.000 đồng/năm. Hợp đồng được ký với thời hạn dự kiến là 25 năm và ký hợp đồng thuê theo từng giai đoạn 05 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2013, ngày 02 tháng 01 năm 2014 và ngày 1 tháng 12 năm 2014.

- Tổng số tiền thuê các cửa hàng, văn phòng của Tổng Công ty để bán hàng, giới thiệu sản phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Thời hạn thuê và giá thuê được quy định theo từng hợp đồng cụ thể.

**37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 20 và 21) trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	269.375.598.286	332.237.124.559
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	432.105.376.102	278.430.176.919
Nợ thuần	<u>(162.729.777.816)</u>	<u>53.806.947.640</u>
Vốn chủ sở hữu	999.543.095.500	870.283.464.937
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<u><u>-</u></u>	<u><u>0,06</u></u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	432.105.376.102	278.430.176.919
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.010.264.961.758	1.019.591.204.833
Phải thu về cho vay ngắn hạn	173.200.000.000	119.200.000.000
Các khoản đầu tư tài chính	215.729.820.236	223.518.854.986
<b>Tổng</b>	<b>1.831.300.158.096</b>	<b>1.640.740.236.738</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	269.375.598.286	332.237.124.559
Phải trả người bán và phải trả khác	1.080.272.648.690	835.702.552.533
Chi phí phải trả	38.598.843.363	23.443.073.280
<b>Tổng</b>	<b>1.388.247.090.339</b>	<b>1.191.382.750.372</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Công nợ phải trả		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (“USD”)	818.933.702.500	754.325.777.422	906.423.506.900	1.024.495.012.296
Yên Nhật (“JPY”)	23.273.272.379	22.035.332.358	-	-





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Yên Nhật. Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% (năm 2014: 1%) so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% (năm 2014: 1%) được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% (năm 2014: 1%) thay đổi của tỷ giá.

Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% (năm 2014: 1%) thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
USD	4.374.490.220	2.259.560.224
JPY	<u>(1.163.663.619)</u>	<u>(259.967.404)</u>

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty đánh giá rủi ro lãi suất ở mức thấp do các khoản vay và nợ (Thuyết minh số 20) được thực hiện theo mức lãi suất thấp so với thị trường. Các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay không chịu lãi suất và các khoản vay hộ cho Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing (phần vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại tại Thuyết minh số 20) với toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh sẽ được Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing thanh toán. Trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh số 21) thể hiện giá trị 1.400.000 trái phiếu chuyển đổi bắt buộc sau 3 năm với mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu với lãi suất cố định 5%/năm.

*Quản lý rủi ro về giá*

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN VÀ CÁC CÔNG TY CON**Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****Mẫu B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	432.105.376.102	-	432.105.376.102
Phải thu khách hàng và phải thu khác	969.658.932.971	40.606.028.787	1.010.264.961.758
Phải thu về cho vay ngắn hạn	173.200.000.000	-	173.200.000.000
Các khoản đầu tư tài chính	215.729.820.236	-	215.729.820.236
	<b>1.790.694.129.309</b>	<b>40.606.028.787</b>	<b>1.831.300.158.096</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	129.375.598.286	140.000.000.000	269.375.598.286
Phải trả người bán và phải trả khác	1.077.779.502.290	2.493.146.400	1.080.272.648.690
Chi phí phải trả	38.598.843.363	-	38.598.843.363
	<b>1.245.753.943.939</b>	<b>142.493.146.400</b>	<b>1.388.247.090.339</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>544.940.185.370</b>	<b>(101.887.117.613)</b>	<b>443.053.067.757</b>
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	278.430.176.919	-	278.430.176.919
Phải thu khách hàng và phải thu khác	979.154.555.414	40.436.649.419	1.019.591.204.833
Phải thu về cho vay ngắn hạn	119.200.000.000	-	119.200.000.000
Các khoản đầu tư tài chính	223.518.854.986	-	223.518.854.986
	<b>1.600.303.587.319</b>	<b>40.436.649.419</b>	<b>1.640.740.236.738</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Các khoản vay	192.237.124.559	140.000.000.000	332.237.124.559
Phải trả người bán và phải trả khác	832.879.406.133	2.823.146.400	835.702.552.533
Chi phí phải trả	10.027.073.280	13.416.000.000	23.443.073.280
	<b>1.035.143.603.972</b>	<b>156.239.146.400</b>	<b>1.191.382.750.372</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>565.159.983.347</b>	<b>(115.802.496.981)</b>	<b>449.357.486.366</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Hạn mức tín dụng còn lại có thể sử dụng từ các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số 20 là 300.000.000.000 đồng và 4.986.258 đô la Mỹ.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần nguyên vật liệu Dệt May Bình An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Việt Hưng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Công Tiến	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Tây Đô	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	Công ty liên kết
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần May Việt Tân	Công ty liên kết
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	Hợp tác kinh doanh
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	Hợp tác kinh doanh
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	Cổ đông chiến lược

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu</b>		
<b><u>Các công ty liên kết</u></b>		
Công ty Cổ Phần Việt Hưng	579.823.125	7.946.466.251
Công ty Cổ phần May Công Tiến	1.815.064.823	7.522.080.291
Công ty Cổ phần May Tây Đô	1.021.949.750	3.981.877.290
Công ty Cổ Phần Đồng Tiến	84.382.409	982.233.264
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	2.833.254.800	5.908.091.779
Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	2.131.179.280	1.552.961.811
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	451.305.630	765.062.138
Công ty Cổ phần Cơ khí Thủ Đức	235.371.045	309.619.592
Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	352.717.778	45.000.000
Công ty Cổ phần Tổng hợp Ninh Thuận	45.000.000	45.000.000
Công ty Cổ Phần May Việt Tân	156.565.235	3.088.872.208
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	69.096.004	357.889.914
	<u>1.570.163.360.655</u>	<u>1.344.985.972.137</u>
<b><u>Cổ đông chiến lược</u></b>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	<u>1.570.163.360.655</u>	<u>1.344.985.972.137</u>
<b><u>Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</u></b>		
Xí Nghiệp Dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	<u>68.525.906</u>	<u>-</u>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Mua hàng****Các công ty liên kết**

Công ty Cổ phần May Công Tiến	253.238.755.797	226.021.091.724
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	198.811.251.733	157.207.677.678
Công ty Cổ Phần Việt Hưng	159.891.489.088	135.559.674.779
Công ty Cổ phần May Tây Đô	141.795.535.521	120.076.018.313
Công ty Cổ Phần May Việt Tân	26.515.096.508	21.142.956.000
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	9.187.797.854	7.081.086.590
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	5.461.615.935	4.957.427.016
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	4.817.317.212	3.917.281.145
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	-	326.093.230
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	-	91.900.000

**Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	202.613.919.506	66.017.820.880
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	12.764.882.364	3.718.668.807

**Cổ đông chiến lược**

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	868.146.354.508	519.430.391.222
---	-----------------	-----------------

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và các khoản phụ cấp	<u>7.443.244.514</u>	<u>6.813.917.132</u>

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>

**Phải thu thương mại****Các công ty liên kết**

Công ty Cổ phần May Công Tiến	80.916.782	3.768.453.517
Công ty Cổ phần May Việt Tân	-	4.229.749.934
Công ty Cổ phần Việt Hưng	227.563.050	143.208.450
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	52.217.006	390.048.053
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	340.022.579	102.217.940
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	10.136.500	13.344.650
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	84.101.722	61.308.606
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	1.165.034.310	-
Công ty Cổ phần May Tây Đô	36.570.600	-

**Cổ đông chiến lược**

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	<u>337.740.444.161</u>	<u>400.607.781.775</u>
---	------------------------	------------------------

**Phải thu về cho vay ngắn hạn****Các công ty liên kết**

Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	92.200.000.000	95.200.000.000
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	<u>18.000.000.000</u>	<u>24.000.000.000</u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>		
<b><u>Các công ty liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	4.040.805.556	3.650.938.888
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	676.583.333	-
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	-	800.000.000
<b><u>Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</u></b>		
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	121.265.022.472	136.327.005.307
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	515.593.660	479.620.120
	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Trả trước cho nhà cung cấp</b>		
<b><u>Các công ty liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	-	1.470.000.000
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	1.700.000.000	2.700.000.000
<b>Ký quỹ dài hạn</b>		
<b><u>Các công ty liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	34.575.552.000	34.575.552.000
<b>Phải trả thương mại</b>		
<b><u>Các công ty liên kết</u></b>		
Công ty Cổ phần May Công Tiến	16.695.777.682	1.493.534.725
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	7.075.327.003	768.637.914
Công ty Cổ phần May Tây Đô	6.899.058.282	82.145.874
Công ty Cổ phần May Việt Tân	1.941.026.221	1.717.959.110
Công ty Liên doanh Sản xuất nút nhựa Việt Thuận	5.893.159.685	-
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	702.849.864	700.787.983
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	-	5.277.756
Công ty Cổ phần May Việt Thịnh	433.664.436	283.611.847
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thủ Đức	366.678.903	11.782.000
<b><u>Cổ đông chiến lược</u></b>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	393.650.320.419	200.532.759.620
<b>Người mua trả tiền trước</b>		
<b><u>Cổ đông chiến lược</u></b>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	28.451.135.767	42.077.645.419
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>		
<b><u>Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</u></b>		
Cửa hàng hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tung Shing	17.340.970.892	2.775.231.857
Xí nghiệp dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	3.642.574.377	1.315.060.857

**39. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo Quyết định số 121/QĐ-SGDHN ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến được chấp thuận đăng ký giao dịch 28.000.000 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu và mã chứng khoán là "VGG" tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Theo Thông báo số 196/TB-SGDHN ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng Khoán Hà Nội, ngày 10 tháng 3 năm 2016 là ngày giao dịch chính thức đầu tiên của mã chứng khoán VGG trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("thị trường UPCoM").



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Căn cứ theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã thông qua việc chuyển đổi 1.400.000 trái phiếu chuyển đổi (như trình bày tại Thuyết minh số 20) thành cổ phiếu phổ thông theo tỷ lệ chuyển đổi 01:10, giá chuyển đổi là 10.000 đồng/cổ phiếu. Ngày chốt danh sách trái chủ để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu là ngày 01 tháng 02 năm 2016. Sau khi chuyển đổi, số lượng cổ phiếu và vốn điều lệ của Tổng Công ty tăng lên tương ứng 14.000.000 cổ phần và 140.000.000.000 đồng và được cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 9 ngày 17 tháng 3 năm 2016. Việc chuyển đổi trên đã được Tổng Công Ty thông báo và được chấp nhận bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Thông báo số 964/UBCK-QLCB ngày 02 tháng 3 năm 2016. Tổng Công ty đã thực hiện thanh toán lãi trái phiếu lũy kế là 21.000.000.000 đồng cho các trái chủ trong tháng 02 năm 2016.

#### 40. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN PHI TIỀN TỆ

Tiền chi mua sắm tài sản cố định trong năm không bao gồm 28.276.664.280 đồng (năm 2014: 29.259.069.149 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi trả lãi trong năm không bao gồm số tiền 7.000.000.000 đồng (năm 2014: 7.000.000.000 đồng) là chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phát sinh trong năm nhưng chưa thực chi. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm khoản tiền 126.000.000.000 đồng (năm 2014: 84.000.000.000 đồng) là số tiền cổ tức đã công bố mà chưa thanh toán và đã bao gồm 84.000.000.000 đồng là số cổ tức công bố năm trước và chi trả trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

0112500  
CHI NHÁ  
CÔNG  
CH NHIỆM  
HELOIT  
VIỆT N  
- TP. H

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**41. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Một số số liệu của báo cáo tài chính niên độ trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC  
Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014	Thay đổi
<b>A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>						
<b>I. Tài sản</b>						
1. Đầu tư ngắn hạn	121	170.880.000.000	1. Chứng khoán kinh doanh	121	-	Phân loại lại
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>			2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	170.880.000.000	Phân loại lại
2. Phải thu khách hàng	131	835.648.955.582	3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	835.648.955.582	Đổi tên
3. Trả trước cho người bán	132	14.006.218.147	4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	14.006.218.147	Đổi tên
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>			5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	119.200.000.000	Phân loại lại
4. Các khoản phải thu khác	135	262.492.316.588	6. Phải thu ngắn hạn khác	136	145.068.676.337	Đổi tên và phân loại lại
5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	4.432.902	7. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	2.670.769.484	Phân loại lại
6. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.196.615.903	8. Tài sản ngắn hạn khác	155	-	Phân loại lại
7. Phải thu dài hạn khác	218	-	9. Phải thu dài hạn khác	216	40.436.649.419	Phân loại lại
8. Đầu tư dài hạn khác	258	70.655.670.877	10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	70.655.670.877	Đổi tên
9. Tài sản dài hạn khác	268	40.433.899.419	11. Tài sản dài hạn khác	268	-	Phân loại lại



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**MẪU B 09-DN/HN**

**Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC**

**Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**

**Thay đổi**

**II. Nợ phải trả**

Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chỉ tiêu	Mã số	31/12/2014
<b>II. Nợ phải trả</b>			<b>II. Nợ phải trả</b>		
1. Phải trả người bán	312	724.979.473.792	1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	724.979.473.792
2. Người mua trả tiền trước	313	116.218.877.112	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	116.218.877.112
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	37.853.345.499	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	40.519.682.081
4. Chi phí phải trả	316	10.027.073.280	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10.027.073.280
5. Doanh thu chưa thực hiện	338	3.852.018.010	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	3.852.018.010
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	114.146.799.394	6. Phải trả ngắn hạn khác	319	114.146.799.394
7. Vay và nợ ngắn hạn	311	192.237.124.559	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	192.237.124.559
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		-	8. Chi phí phải trả dài hạn	333	13.416.000.000
8. Vay và nợ dài hạn	334	153.416.000.000	9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-
<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		-	10. Trãi phiếu chuyển đổi	339	140.000.000.000

**III. Vốn chủ sở hữu**

<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>			<b>III. Vốn chủ sở hữu</b>		
1. Quỹ đầu tư phát triển	417	259.721.778.938	1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	280.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418	33.198.975.202	2. Quỹ đầu tư phát triển	418	292.920.754.140
			<i>Không có chỉ tiêu tương ứng</i>		-

**Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC**

**Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**

**Thay đổi**

**B. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu  
*Không có chỉ tiêu tương ứng*

70

1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu  
2. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

70

71

Phân loại lại  
Phân loại lại

  
Nguyễn Bích Thủy  
Người lập

  
Nguyễn Trâm Anh  
Kế toán trưởng

